

## BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

### 1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: CÔNG TY TNHH XE MÁY BẢO MINH
- 1.2. Địa chỉ: Số 76, Đường TK2, Khu dân cư Hoàng Hải, Ấp Tiền Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác<sup>(+)</sup>:
- 1.4. Nhân hiệu: YAMAHA
- 1.5. Tên thương mại: MIO FINO PREMIUM
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): LNC 125
- 1.7. Số giấy chứng nhận<sup>(2)</sup>: 19KXM/352999
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 3009/NETC-M/19/C, Ngày 01/07/2019 .

### 2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 98 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 258 (kg)
- 2.3. Động cơ
  - 2.3.1. Kiểu động cơ: E3R2E Loại động cơ: 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.
  - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 125 cm<sup>3</sup>.
  - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 7,0/8.000 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~:<sup>(1)</sup>
- 2.5. Hộp số
  - 2.5.1. Điều khiển: ~~Cơ khí~~/Tự động<sup>(1)</sup>
  - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền:
  - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng:
- 2.7. Lốp
  - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 80/80-14M/C áp suất lốp: 200 kPa
  - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 100/70-14M/C áp suất lốp: 225 kPa



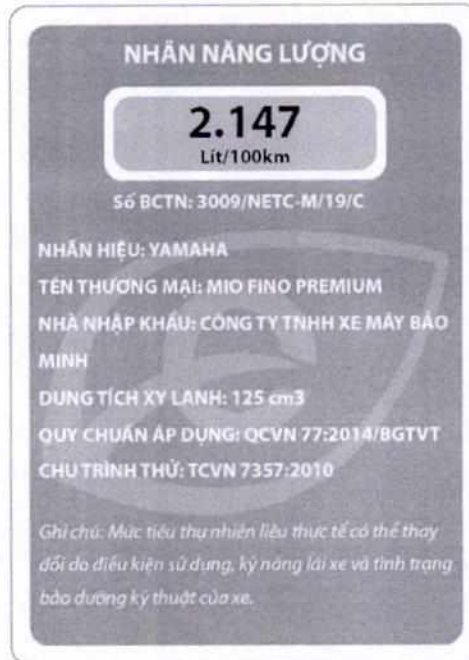
2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: / km/h

### 3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/~~TCVN 7358:2010~~/TCVN 9726:2013. <sup>(1)</sup>

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,147 l/100 km

### 4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



### 5. Ghi chú (nếu có):

.....

HCM, ngày 09 tháng 06 năm 2020.  
Công ty TNHH XE MÁY BẢO MINH



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Hải

#### Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm